

## CÁC YẾU TỐ KINH HOÁ TRONG QUAN HỆ DÒNG HỌ CỦA NGƯỜI TÀY TẠI XÃ QUANG LANG, HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

Tạ Thị Anh

Học viện Chính trị khu vực I

**Tóm tắt:** *Mối quan hệ Tày - Việt được thiết lập từ sớm trong lịch sử và ngày càng trở nên khăng khít thông qua việc cư trú xen kẽ, trao đổi, buôn bán, giao lưu văn hoá, quan hệ hôn nhân, ... Quá trình đó đã tác động và làm biến đổi quan hệ dòng họ người Tày tại xã Quang Lang theo xu hướng Kinh hoá. Từ tổ chức dòng họ, thực hành tín ngưỡng, sinh hoạt văn hoá, tương trợ trong các nghi lễ vòng đời ở đây đều có sự ảnh hưởng, tiếp biến văn hóa của người Kinh. Các dòng họ người Tày đang vận động theo hướng vừa duy trì, bảo tồn văn hoá, phong tục tập quán truyền thống, vừa tiếp nhận những giá trị văn hoá mới của tộc người khác. Tuy nhiên, quá trình này cũng đặt ra một số vấn đề như làm phai nhạt, mai một văn hoá dòng họ truyền thống.*

**Từ khoá:** *Quan hệ dòng họ, quan hệ tộc người, dân tộc Tày.*

Nhận bài ngày 4.3.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.3.2021

Liên hệ tác giả: Tạ Thị Anh; Email: taanh92@gmail.com

### 1. MỞ ĐẦU

Người Tày được khẳng định là một trong những chủ nhân đầu tiên của nước Việt cổ, đã hợp nhất với người Việt lập nên Nhà nước Âu Lạc, nhà nước đầu tiên ở Việt Nam (Bế Viêt Đăng, 1996). Trong lịch sử, đã diễn ra quá trình người Tày ngày càng tiếp xúc, hòa nhập về văn hóa, ngôn ngữ với người Việt và phân hóa dần với người Choang ở vùng Lương Quảng, Trung Quốc. Nếu như ở thời kỳ đầu hình thành nhà nước Âu Lạc, một bộ phận người Tày cổ hóa Việt, thì ngược lại, trong suốt gần 10 thế kỷ của các triều đại phong kiến Việt Nam sau này, nhiều quan lại người Việt lên vùng Đông Bắc trấn giữ hay những dòng họ, cá nhân thất thế tìm lên vùng núi nương náu lại bị Tày hóa (Hà Đình Thành, 2010). Ở thời kỳ hiện đại, quê hương Việt Bắc của người Tày trở thành căn cứ cách mạng giúp cho sự tiếp xúc Tày – Việt lại càng được tăng cường. Kể từ sau Đổi mới đến nay, cùng chung xu hướng biến đổi của các tộc người ở nước ta, quan hệ xã hội của người Tày với người Kinh và các tộc người khác ngày càng được mở rộng, với sự giao lưu, ảnh hưởng văn hóa lẫn nhau ngày càng nhiều.

Tuy nhiên, các nghiên cứu về người Tày cho đến nay chủ yếu quan tâm đến quan hệ hôn nhân, đặc biệt là hôn nhân hỗn hợp của người Tày mà ít quan tâm đến các khía cạnh khác trong quan hệ giữa tộc người Tày với người Việt cũng như với các tộc người khác (Nguyễn Thị Thanh Bình 2016, tr. 45). Cũng ít có nghiên cứu nào đưa ra các ví dụ cụ thể về quá trình Kinh hóa Tày ở các dòng họ người Tày vùng Đông Bắc. Dựa trên nghiên cứu thực địa năm 2016 tại hai thôn: Làng Đăng và Khun Phang, xã Quang Lang<sup>1</sup>, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, bài viết này muốn tìm hiểu thực tế sự giao lưu, tiếp xúc Tày - Kinh, đặc biệt là sự ảnh hưởng của văn hóa người Kinh đến người Tày thông qua những khía cạnh biến đổi trong quan hệ dòng họ của người Tày theo xu hướng Kinh hóa. Qua đó, bài viết hy vọng có thể đóng góp thêm tư liệu về mối quan hệ tộc người giữa hai dân tộc này.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Khái quát về người Tày ở xã Quang Lang

Quang Lang là một trong 19 xã của huyện Chi Lăng, có diện tích tự nhiên 30,79 km<sup>2</sup> và dân số là 7.541 người (năm 2015). Xã bao quanh thị trấn Đồng Mô, gồm 13 thôn/bản với 3 dân tộc sinh sống chủ yếu là Tày, Nùng, Kinh. Theo số liệu năm 2016, người Tày ở đây có 542 hộ và 2.256 nhân khẩu, chiếm 31,13%, dân số, đứng thứ 2 sau người Nùng. Trong 4 thôn có số lượng người Tày sinh sống tập trung nhất là Làng Đăng, Làng Trung, Núi Đá, và Khun Phang, chúng tôi chọn thôn Khun Phang và Làng Đăng làm hai điểm nghiên cứu đại diện bởi đây là hai thôn có tỷ lệ người Tày cư trú cao. Trong tổng số 83 hộ dân của thôn Khun Phang có 49 hộ người Tày, còn lại là người Nùng và người Kinh. Trong đó dòng họ Lô, Vi là hai họ lâu đời ở đây: Họ Lô có 24 hộ, họ Vi có 22 hộ. Theo kể lại, họ Lô có nguồn gốc là họ Trần ở dưới xuôi lên cư trú ở Quang Lang từ đầu thế kỷ 18. Ngoài ra còn có các họ: Hoàng, Lương, Trần, Nguyễn,... Thôn Làng Đăng có 123 hộ, trong đó 118 hộ là người Tày với các dòng họ Vi, Hoàng,... còn lại 5 hộ là người Kinh. Họ Vi là họ đầu tiên đến khai hoang, lập nghiệp tại thôn. Do cư trú sâu trong nội địa, không có dòng họ Tày nào ở xã Quang Lang có mối quan hệ với đồng tộc ở bên kia biên giới Việt - Trung.

Chi Lăng là một huyện cận biên ở khu vực miền núi phía Bắc, từ xưa đã có rất nhiều dòng người chuyển cư đến sinh sống, tạo nên sự đa dạng trong thành phần dân cư. Việc đưa quân ra miền biên ải để bảo vệ bờ cõi qua nhiều thời đại của lịch sử phong kiến nước ta hay việc đưa dân lên vùng đất cận biên này để xây dựng cơ sở hạ tầng dưới thời thuộc Pháp đều tạo ra những dòng chuyển cư đi và đến huyện Chi Lăng. Trong số rất nhiều người từng đặt chân đến mảnh đất này, có những người ở lại đây sinh cư lập nghiệp (Vũ Phương Nga, 2016). Thời kỳ Pháp thuộc, hình thành những công trường làm đường, khu mỏ khai thác khoáng sản đã thu hút nhiều người lao động từ nơi khác đến huyện Chi Lăng, càng làm đa dạng hơn tình trạng cộng cư của các dân tộc.

---

<sup>1</sup> Kể từ ngày 21/11/2019, xã Quang Lang được sát nhập vào thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng theo Nghị quyết số 818/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Đến những năm 60 của thế kỷ XX, Nhà nước thực hiện chính sách giãn dân, khai hoang miền núi nhằm củng cố biên giới, số lượng người Kinh ở các tỉnh Hưng Yên, Hà Đông, Nam Định,... đã di cư lên miền núi, tạo thành những làng riêng. Bên cạnh đó, việc thành lập nhà máy xe lửa năm 1964 và nhà máy cơ khí năm 1980 - 1982 tại xã Quang Lang cũng thu hút đông đảo số lượng công nhân ở dưới xuôi lên, sống tập trung ở thị trấn, ven đường quốc lộ và đường dân sinh. Điển hình như thôn Mỏ Đá, xã Quang Lang phần lớn là người Kinh dưới xuôi lên làm công nhân hoặc theo chính sách kêu gọi khai hoang của Nhà nước. Các dân tộc không chỉ cư trú trong một không gian riêng và thông qua việc định cư, chuyển cư, mối quan hệ hôn nhân hỗn hợp dân tộc ngày càng nhiều (Tày, Kinh, Nùng,...). Ở xã Quang Lang, hôn nhân hỗn hợp giữa người Tày và người Kinh xuất hiện tại 12/13 thôn, với tổng số là 199 cặp vợ chồng (Vũ Phương Nga, 2018, tr. 56). Đó cũng là yếu tố tạo nên sự giao lưu, tiếp biến văn hoá trong dòng họ người Tày trước tác động của mối quan hệ với người Kinh.

Hiện nay, sự thuận tiện của giao thông nối liền huyện Chi Lăng với các vùng miền khác, cũng như hệ thống đường liên thôn, liên xã đã tạo thuận lợi cho việc đi lại của người dân. Nhờ đó, mối quan hệ giao lưu về kinh tế, văn hoá, xã hội giữa người dân thuộc các tộc người khác nhau cũng được tăng cường. Đây cũng là yếu tố góp phần tạo nên sự thay đổi trong mối quan hệ dòng họ. Cư dân thuộc các tộc người khác đến đây đều mang theo vốn văn hóa riêng, đã tạo nên sự tiếp xúc, giao thoa văn hóa giữa các dân tộc, đặc biệt giữa người Tày và người Kinh. Có lẽ vì thế, sự Kinh hóa trong văn hóa dòng họ của người Tày cũng được bộc lộ rõ nét ở vùng này. Dân tộc Tày ở Đông Bắc đã được hình thành trên cơ sở hòa hợp giữa những yếu tố văn hóa Tày vốn có với những yếu tố văn hóa Việt (Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn, 1968) ngày càng xâm nhập vào mọi mặt sinh hoạt của người Tày. Ở xã Quang Lang, dòng họ của người Tày hình thành trong mối quan hệ đa dạng, đan xen và giao lưu giữa các tộc người. Người Tày ở đây là sự tổ hợp của nhiều thành phần như người Tày cư trú lâu đời, người Tày gốc Kinh, người Tày gốc Tày, người Nùng từ Trung Quốc di cư sang. Tuy nhiên, do sự thất lạc gia phả của các dòng họ nên việc đưa ra những cứ liệu cụ thể về quá trình đi và đến của người Tày còn hạn chế. Nhưng theo nghiên cứu thực tế, người Tày sở tại là cư dân góp phần hình thành nên đặc trưng trong đời sống văn hóa, xã hội và tạo nên sự phát triển ở địa phương. Quá trình hình thành tộc người Tày trên địa bàn xã Quang Lang trên cho thấy sự đa dạng về nguồn gốc tộc người. Quá trình an cư, lập nghiệp của mỗi nhóm tộc người nơi đây đã tạo nên một bức tranh văn hóa Tày riêng biệt. Tuy nhiên, qua quá trình phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu văn hoá giữa các luồng dân cư, giữa đồng bằng và miền núi đã dẫn đến sự biến đổi văn hoá tộc người. Đặc biệt, sự tiếp xúc với người Kinh đã tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hoá, xã hội của người Tày theo xu hướng Kinh hoá, trong đó phải kể đến sự tác động đến mối quan hệ dòng họ.

## **2.2. Yếu tố Kinh hoá trong quan hệ dòng họ người Tày ở xã Quang Lang**

### **2.2.1. Trong tổ chức dòng họ**

Dòng họ đóng một vai trò quan trọng trong đời sống người Tày, với quan niệm “Người có tổ tiên như cây có gốc rễ. Tổ tiên gây dựng, tu nhân tích đức nhiều đời dòng họ mới phồn

thịnh, con cháu mới được về vang”<sup>1</sup>. Đây chính là ý thức của người Tày ở xã Quang Lang về tổ tiên chung, về bốn phen cùng thờ cúng và tin rằng tổ tiên sẽ luôn ban phúc, chở che, đem đến sự phát triển phồn thịnh.

Trong truyền thống, dòng họ của người Tày phân bố theo nguyên lý huyết thống, thành viên dòng họ thường sinh sống tụ cư ở một địa điểm. Nhiều thôn ban đầu chỉ có một hoặc hai dòng họ sinh sống, như thôn Làng Đẳng là dòng họ Vi, thôn Khun Phang là dòng họ Lô, Vi, mỗi họ sống tụ cư thành từng cụm riêng biệt. Cách tụ cư này giống như cách tụ cư của nhiều làng Việt dưới xuôi - như Nguyễn Xá, Đào xá, Trịnh Xá, tức là làng của các dòng họ Nguyễn, họ Đào, họ Trịnh (Bế Văn Hậu 2012). Từ khi Đổi mới đất nước (1986), cùng với quá trình giao lưu và hội nhập, bản của người Tày đã có nhiều dòng họ khác về sinh sống, lập nghiệp. Theo số liệu khảo sát năm 2016, thôn Khun Phang có 25/83 hộ người dân tộc Kinh, 9 hộ người Nùng, còn lại là người Tày. Thôn Làng Đẳng có 5/123 hộ người Kinh, còn lại là người Tày. Sự cư trú đan xen giữa các dòng họ đã dần được thiết lập, dẫn đến sự giao lưu, tiếp biến văn hoá giữa các dòng họ trong bản làng và giữa các bản làng với nhau. Người Tày có tập quán xưng hô cũng giống như người Kinh, theo thứ bậc họ hàng. Nghĩa là con anh, con bác sinh ra sau vẫn làm anh, ngược lại con chú, con cô, con cậu, con dì được sinh ra trước vẫn làm em. Vậy nên, mọi công việc trong họ đều phân vai, phân vế, có trước, có sau và tổ chức dòng họ người Tày luôn quy củ, tôn nghiêm.

Cách đặt tên đệm của người Tày ở xã Quang Lang thường theo tên họ của người con trưởng. Điều này có phần khác biệt với cách đặt tên đệm theo hệ thống và phân theo từng thế hệ của người Tày ở nơi khác và người Nùng, Dao. Điển hình như ở một nhánh họ Lô thôn Khun Phang, người con trưởng đặt tên đệm là “Lô Tiến”, ở một nhánh họ Vi thôn Khun Phang người con trưởng đặt tên đệm là “Vi Khánh” thì con cháu đời sau chỉ lấy tên đó để đặt tên đệm cho con mình<sup>2</sup>. Hệ thống tên đệm chỉ quy định với con trai, còn con gái được đặt tự do. Điều này đặt ra câu hỏi phải chăng cách đặt tên đệm của người Tày ở xã Quang Lang có sự ảnh hưởng của người Kinh từ vùng miền xuôi lên sinh sống, lập nghiệp. Tuy nhiên, so với thời kỳ trước những năm 1990, cấu trúc dòng họ thể hiện qua tên đệm đã có phần lỏng lẻo hơn. Một số gia đình không còn áp dụng quy định này mà đặt tên đệm theo ý muốn riêng. Ở người Tày ở xã Quang Lang, nhà trưởng họ được coi là “nhà gốc” thờ cúng tổ tiên, họ không có từ đường, nhà thờ họ, ruộng hương hỏa và những buổi sinh hoạt dòng họ như ở người Kinh. Mỗi khi có công việc, anh em tụ họp nhau bàn công chuyện. Trong bối cảnh đổi mới, giao lưu và hội nhập, người Tày ở xã Quang Lang đang có xu hướng phục hồi, tổ chức mới hàng loạt các hoạt động liên quan đến dòng họ như xây dựng nhà thờ họ, sắp xếp sinh hoạt dòng họ theo quy định, lập lại gia phả và tìm lại anh em họ hàng thất lạc từ đời tổ tiên.

Ngoài bàn thờ tổ tiên riêng trong từng gia đình, người Tày rất coi trọng việc thờ cúng ở nhà trưởng họ. Đến nay, hầu hết các dòng họ người Tày đều có kế hoạch xây dựng nhà thờ

<sup>1</sup> Phả ký dòng họ Vi thôn Làng Đẳng.

<sup>2</sup> Gia phả họ Lô và họ Vi thôn Khun Phang.

họ. Trong đó, đã có dòng họ Lô thôn Khun Phang xây được nhà thờ họ làm cơ sở thờ tự và nơi sinh hoạt chung. Còn hầu hết các dòng họ khác vì một số lý do nên mới dừng lại ở hạp bàn. Xây dựng nhà thờ họ ngoài giá trị tinh thần, còn thể hiện “thực lực” và điều kiện kinh tế của dòng họ với cộng đồng.

Giống như người Kinh vùng miền xuôi, những năm gần đây các dòng họ người Tày ở xã Quang Lang đều lập những mảnh đất riêng để xây dựng khu nghĩa địa theo từng chi họ, với những ngôi mộ bằng gạch, xi măng như người Kinh. Trong khu nghĩa địa của dòng họ thường được sắp xếp theo tầng bậc, thế hệ. Những người ở thế hệ trước được xây mộ ở tầng cao phía đỉnh núi, thế hệ sau được xây mộ thấp về phía chân núi. Xây dựng mộ tổ có một ý nghĩa tâm linh đặc biệt với người Tày ở xã Quang Lang, thể hiện tấm lòng nhớ ơn thành kính đối với tổ tiên đã khuất. Đồng thời, với họ, tổ tiên là cội nguồn gốc rễ, dù họ đã mất đi nhưng luôn dõi theo phù hộ, độ trì cho con cháu. Đến nay, hầu hết các dòng họ đã xây dựng được mả tổ, tuy không lộng lẫy, to lớn như mộ tổ của người Kinh vùng đồng bằng nhưng cũng đủ để minh chứng cho tinh thần anh em họ tộc và lòng biết ơn “uống nước nhớ nguồn” của người Tày nơi đây. Có thể nói, xu hướng xây mộ và làm nghĩa trang ở các dòng họ người Tày cho thấy sự tiếp nhận những thực hành về tín ngưỡng từ người Kinh ở Chi Lăng (Vũ Phương Nga, 2018, tr.115-116).

### **2.2.2. Trong các sinh hoạt và nghi lễ**

#### **\* Trong sinh hoạt dòng họ**

##### *- Tục tảo mộ (Chạp họ)*

Khác với người Tày ở nhiều vùng thường tổ chức tảo mộ vào dịp Tết Thanh minh, người Tày ở xã Quang Lang từ xưa đến nay chỉ tổ chức vào dịp trước Tết Nguyên Đán, họ cũng không có tục lệ ăn Tết Thanh minh vào tháng Ba âm lịch hàng năm.

Hiện nay, người Tày Quang Lang tổ chức tảo mộ thường kết hợp hạp họ như nhiều vùng của người Kinh. Ngày này, con cháu dù ở gần hay xa đều quay về cùng dòng họ đi tu bổ, dọn dẹp, phát cây, đắp thêm đất cho từng ngôi mộ và thắp nén hương mời tổ tiên về ăn Tết. Sau đó, các thành viên sẽ quay về nhà trưởng họ tổ chức hạp họ và cùng ngồi lại ăn bữa cơm xum vầy, đoàn viên. Chạp họ không chỉ có giá trị tâm linh thiêng liêng, nhớ ơn cội nguồn ông bà tổ tiên, còn giúp tăng cường, củng cố quan hệ trong dòng họ, tạo nên tình đoàn kết, gắn bó giữa các thành viên. Quan trọng hơn, ngày này các cụ già, trưởng họ sẽ chỉ bảo cho con cháu ở xa hoặc những người mới đến tuổi trưởng thành biết về cụ tổ và vị trí của các ngôi mộ trong dòng họ. Hàng năm, họ Vi ở thôn Khun Phang tổ chức tảo mộ vào ngày 24 tháng Chạp họ Lô thôn Khun Phang tảo mộ vào ngày 25 tháng Chạp âm lịch.

Phải chăng, yếu tố văn hóa khác biệt này là do ảnh hưởng từ người Kinh bởi quá trình tụ cư từ hàng chục năm về trước. Có thể thấy, sự khác nhau về phong tục tập quán của một dân tộc sinh sống ở những vùng miền khác nhau là điều dễ hiểu. Do ảnh hưởng quá trình tụ cư và di cư, cùng với những đặc trưng văn hóa từng vùng miền, sự tác động, giao lưu giữa các dân tộc với nhau, dẫn đến sự khác nhau về phong tục tập quán. Lý giải cho sự khác biệt này, người Tày ở xã Quang Lang cho rằng, rất có thể họ là người Tày gốc Tày cổ và người

Tày gốc Việt di cư từ vùng đồng bằng lên sinh sống, lập nghiệp nên họ không có phong tục tảo mộ vào dịp Tết Thanh minh.

- *Giỗ tổ họ*

Quan hệ dòng họ của người Tày ở xã Quang Lang được thể hiện rõ nhất qua các hoạt động ngày giỗ tổ. Giỗ tổ họ giúp con cháu nhớ về nguồn cội tổ tiên, ghi nhớ rằng mình có một dòng họ, một truyền thống mà mỗi cá nhân phải có vai trò nối dài, bảo tồn truyền thống của dòng họ. Người Tày tin rằng tổ tiên luôn dõi theo và về ngự nơi bàn thờ gia tiên. Vậy nên, ngày giỗ con cháu phải chuẩn bị đầy đủ chu đáo đồ lễ dâng lên thờ cúng tổ tiên. Nhiều dòng họ, ngày giỗ tổ vào dịp gần Tết Nguyên Đán nên họ đã kết hợp tổ chức giỗ tổ, họp họ và đi tảo mộ cùng một ngày. Vào ngày giỗ, con cháu ở khắp mọi nơi về nhà trưởng họ để sắm sửa lễ dâng cúng tổ tiên. Ngày này bao gồm tất cả mọi thành viên nam nữ của dòng họ, nhưng giống như người Kinh, họ nội vẫn là thành phần chính đứng ra tổ chức sắm lễ, sắp cỗ, dọn dẹp,... họ ngoại đại diện gia đình tham gia với vai trò như khách mời. Kinh phí tổ chức giỗ họ được các thành viên trong dòng họ cùng đóng góp. Dường như “góp giỗ” đến nay đã trở thành thông lệ, không chỉ nhằm để tổ chức được một lễ giỗ đàng hoàng, còn minh chứng cho lòng hiếu thảo, sự đoàn kết hưng thịnh của một dòng họ. Họ Vi ở thôn Phun Khang mỗi năm tổ chức thường lên tới hơn 20 mâm cỗ, với sự góp mặt đầy đủ của tất cả con cháu trong dòng họ. Sau buổi giỗ, trưởng họ sẽ tổng kết chi tiêu và chia đều kinh phí cho từng gia đình. Ngoài ra, hàng năm các chi nhánh trong dòng họ cũng tổ chức cúng giỗ ông bà, bố mẹ. Giỗ đầu thường tổ chức lớn, linh đình, với sự có mặt của đầy đủ thành viên trong dòng họ tại nhà chính. Các lần giỗ về sau sẽ tổ chức nhỏ hơn và phần lớn các anh em trai tự làm tại gia đình riêng. Trước đây, theo tục lệ của người Tày ở xã Quang Lang, những người đi ăn giỗ thường đem theo cỗ xôi, con gà (*cô khấu, ke cay*) để làm lễ thắp hương và khi ra về được trả lại một nửa số lễ đó. Nhưng khoảng từ những năm 2000 trở lại đây, khi đời sống của người dân được cải thiện, đồng thời với những ảnh hưởng lối sống của người Kinh, khi đến đám giỗ lễ vật đã được thay bằng tiền mặt. Theo khảo sát thực tế, những người đến đám giỗ thường đặt lễ trung bình từ 100 - 200 nghìn đồng. Có thể thấy, ở xã Chi Lăng, người Tày và người Kinh đều làm giỗ cho người đã khuất, tuy nhiên cách thức, nghi lễ cúng giỗ khác nhau. Ở người Kinh, tất cả các anh chị em đều làm một lễ giỗ chung tại nhà đặt bát hương thờ chính. Còn ở người Tày, các anh em trai làm lễ giỗ riêng tại từng gia đình, mỗi người đều lập bát hương thờ cha mẹ, tổ tiên riêng, chị em gái chuẩn bị một cỗ xôi con gà về cúng cha mẹ tại nhà chính. Hiện nay, do ảnh hưởng nét văn hoá của người Kinh, một số gia đình người Tày có điều kiện đã gửi tiền để gia đình nhà chính làm giỗ chung, một hình thức biến đổi tương tự như kiểu góp giỗ của người Kinh.

\* ***Trong các nghi lễ vòng đời***

- *Trong cưới xin*

Hôn nhân không chỉ là mối quan hệ riêng giữa đôi trai gái, mà còn là quan hệ giữa hai gia đình, dòng họ. Đám cưới thể hiện phong tục tập quán, tín ngưỡng đặc sắc của người Tày. Đồng thời, là ngày quan trọng để gia đình, dòng họ làm tròn bổn phận và nghĩa vụ của mình với con cháu, tổ tiên.

Trong hôn nhân truyền thống, người Tày quan niệm chỉ kết hôn với người đồng tộc, khuyến khích trong cùng một làng bản. Họ cho rằng, lấy vợ, chồng cùng dân tộc sẽ giúp hiểu nhau hơn từ phong tục, tập quán, lối sống cho đến làm ăn kinh tế. Hơn nữa, họ luôn ý thức bảo tồn nét văn hóa đặc trưng của dân tộc mình. Mặt khác, trước kia người Tày sống khá khép kín, không có sự giao lưu với bên ngoài và dân tộc khác, nên việc tìm hiểu, kết hôn với người ngoại tộc, ngoài làng rất ít. Do vậy, khi con cháu trong dòng họ đến tuổi trưởng thành thường được làm mai, làm mối với những người đồng tộc và ở cùng một khu vực. Họ mong con cháu khi dựng vợ gả chồng sẽ được sống với văn hóa dân tộc và cùng họ hàng “tối lửa tắt đèn” có nhau. Hiện nay, do những tác động của bối cảnh đổi mới, giao lưu, mở rộng quan hệ và sống xen kẽ, nhiều người Tày ở địa phương đã kết hôn với người Kinh, Nùng... ở cả trong và ngoài tỉnh Lạng Sơn. Theo kết quả điều tra bảng hỏi tại xã Quang Lang năm 2016, trong số 135 người được hỏi có 93 người vợ/chồng là người Tày (chiếm 68,89%), 25 người có vợ/chồng là người Kinh (chiếm 18,52 %) và 17 người có vợ/chồng là người Nùng (chiếm 12,59 %). Có lẽ, khi hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng phát triển, các dân tộc có xu hướng xích lại gần nhau, từ đó nảy sinh quan hệ hôn nhân hỗn hợp, làm cho bức tranh văn hóa các dân tộc thêm phong phú và mối quan hệ giữa các tộc người ngày càng trở nên tốt đẹp hơn.

Nghi lễ cưới truyền thống của người Tày bao gồm lễ dạm hỏi, lễ ăn hỏi, lễ cưới và lễ lại mặt. Lễ ăn hỏi thường sau lễ dạm hỏi 1-2 tháng; từ sau lễ ăn hỏi con rể phải đi lại nhà bố mẹ vợ 3 năm mới làm lễ cưới; lễ cưới thường kéo dài 2 ngày (La Công Ý, 2010). Quá trình đó diễn ra với nhiều nghi lễ của người Tày. Tuy nhiên, hiện nay thời gian và cách thức tổ chức một đám cưới đã ngắn gọn hơn, lễ ăn hỏi và lễ cưới thực hiện vào một ngày. Cách thức này diễn ra phổ biến hơn ở địa bàn gần trung tâm huyện, xã. Có thể thấy, đó là cách thức phổ biến ở đám cưới của người Kinh mà người Tày ít nhiều đã vận dụng cho phù hợp với bối cảnh hiện nay. Từ xưa, một đám cưới không thể thiếu vắng đi sự có mặt, giúp đỡ, hỗ trợ của họ nội, họ ngoại. Ngoài sự hiện diện, giúp đỡ của dòng họ trong trình tự từng lễ nghi, đây còn là dịp cho thấy tình cảm anh em thông qua sự chia sẻ, hỗ trợ về vật chất. Hiện nay, đời sống kinh tế ổn định, cùng với sự du nhập văn hoá của người Kinh, một số gia đình có điều kiện đã tổ chức đám cưới bằng việc thuê dịch vụ trọn gói từ phong bật, bàn ghế, bát đĩa, làm cỗ cưới,... và một số trường hợp tổ chức tại nhà hàng trên thị trấn Đồng Mỏ. Như vậy, một mặt hạn chế sự kéo dài về thời gian tổ chức, đỡ công sức phục vụ của dòng họ, hàng xóm nhưng mặt khác, lại phần nào làm mờ nhạt đi tình cảm, vai trò của các thành viên trong dòng họ. Qua khảo sát thực tế, đám cưới có xu hướng thuê tất cả các dịch vụ từ bên ngoài hoặc tổ chức tại nhà hàng đã xuất hiện khoảng vài năm trở lại đây ở thôn Khun Phang; còn ở thôn Làng Đăng, việc tổ chức đám cưới chủ yếu vẫn theo hướng nhờ đến sự hỗ trợ, giúp đỡ từ họ hàng, làng xóm. Phải chăng, sự phát triển kinh tế và sự thuận lợi trong giao lưu của thôn Khun Phang đã dẫn đến sự thay đổi mạnh mẽ theo xu hướng Kinh hóa trong mọi mặt đời sống. Mặc dù nghi lễ có sự thay đổi nhưng cách thức tổ chức, vị trí của dòng họ trong một đám cưới vẫn được tộc người đề cao. Dòng họ không chỉ đến với vai trò là “góp mặt”, mà cao hơn cả là sự hiện diện cho danh dự của hai gia đình. Gia đình nào càng đông anh em

trong dòng họ tham gia, gia đình đó càng có uy tín, được cộng đồng khen ngợi và chúng tôi dòng họ đó rất đoàn kết, có nề nếp gia phong.

*- Trong tang ma*

Tang ma là một trong những nghi lễ thể hiện văn hóa đặc sắc nhất của người Tày. Giống như nhiều dân tộc khác, tổ chức tang lễ là đưa linh hồn của người chết sang thế giới bên kia, về với tổ tiên và để xóa sạch mọi tội lỗi lúc sinh thời con người ta mắc phải, giúp linh hồn người chết sớm siêu thoát. Đây cũng là dịp để con cháu báo hiếu, trả nghĩa, đền đáp công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ (La Công Ý, 2010). Do vậy, trong các đám ma luôn tập trung đông đủ anh em họ hàng gần xa, hàng xóm láng giềng, bạn bè. Hầu hết các mối quan hệ trong dòng họ người Tày đều ít nhiều chịu tác động bởi bối cảnh giao lưu, tiếp xúc với các tộc người, làm cho một số hoạt động sinh hoạt văn hoá đã biến đổi. Nhưng trong tang ma, các nghi lễ tâm linh quan trọng vẫn được duy trì, sự tác động bởi văn hoá của người Kinh dường như ít hẳn so với các hoạt động khác. Tuy thời gian tổ chức một đám tang đã được rút ngắn theo quy định, nhưng các nghi lễ quan trọng của người Tày vẫn được duy trì, tổ chức cẩn trọng, tỉ mỉ. Hoạt động tương trợ, sẻ chia của các thành viên trong dòng họ với gia đình tang chủ góp phần vơi bớt đi gánh nặng về vật chất và nguôi ngoai nỗi buồn mất người thân. Sự hiển diện của dòng họ trong nghi lễ tang ma không hề thay đổi, thể hiện tinh thần đoàn kết, sự nề nếp gia phong của một dòng họ. Hiện nay, nhờ sự phát triển kinh tế, điều kiện sống của người dân được nâng cao, hỗ trợ của dòng họ đang có xu hướng chuyển từ vật phẩm sang tiền mặt. Mối quan hệ không còn dừng lại ở họ nội mà còn cả họ ngoại và họ thông gia. Theo chia sẻ, khi đời sống của người dân ngày càng được cải thiện, giao thông thuận tiện hơn, mọi dịch vụ có sẵn, quan hệ với các tộc người khác cũng mở rộng nên khi có công việc chỉ cần gọi điện đặt (thịt, rượu, gạo, bàn ghế, bát đĩa,...) họ sẽ đem đến phục vụ tận nhà. Như vậy, họ không phải tốn nhiều thời gian công sức vào phục vụ, giúp cho việc cử hành tang lễ diễn ra thuận lợi, chu toàn hơn. Cũng giống như người Kinh, đến nay ở người Tày, dòng họ hai bên nội ngoại, thông gia và hàng xóm láng giềng, bạn bè thân thích đều dành một số tiền để phúng viếng người mất, chia sẻ đau thương với gia đình tang chủ. Theo tài liệu thực địa thời điểm năm 2016, anh em họ hàng phúng viếng khoảng từ 300 - 500 nghìn đồng, hàng xóm từ 100 nghìn đồng, bạn bè trung bình từ 200 nghìn đồng. Hiện nay, tang ma ở người Tày đã thực hiện theo nếp sống văn minh, thời gian tổ chức và việc ăn uống được giản tiện đã giúp giảm bớt đi chi phí so với trước đây nhưng vai trò của dòng họ trong các hoạt động tổ chức và các nghi lễ vẫn vô cùng quan trọng.

### **2.2.3. Trong hoạt động giáo dục**

Sau Đổi mới (1986), cùng với quá trình hội nhập và phát triển kinh tế, vấn đề giáo dục cũng đã bắt đầu được người Tày quan tâm, chú trọng. Thoát ly nông nghiệp, có được việc làm ổn định trong lĩnh vực nhà nước là mong muốn của rất nhiều người Tày ở xã Quang Lang hiện nay. Trong những năm gần đây, người dân đã đầu tư rất nhiều cho giáo dục. Kết quả điều tra bảng hỏi cho thấy có 31% thành viên của các gia đình có trình độ trung học cơ sở, 30% có trình độ trung học phổ thông và 12% có trình độ cao đẳng và đại học.

Cũng giống như người Kinh, các dòng họ, đặc biệt là dòng họ khá giả đã chú trọng đến việc học hành của con cháu, bằng cách lập quỹ khuyến học để động viên hỗ trợ con em gia đình khó khăn, khen thưởng những thành viên có thành tích học tập tốt. Tuy nhiên, nguồn quỹ khuyến học mới chỉ dừng lại trong họ nội, chưa có sự tham gia của họ ngoại và họ thông gia. Trong hai điểm nghiên cứu, dòng họ Vi thôn Khun Phang đã lập được quỹ khuyến học hơn 4 năm, với số tiền trên 10 triệu đồng. Để duy trì nguồn quỹ, hàng năm mỗi hộ đóng góp 200 nghìn đồng, gia đình kinh tế khá giả có thể đóng nhiều hơn. Quỹ được xây dựng nhằm mục đích khơi dậy truyền thống hiếu học của dòng họ; động viên, khuyến khích con cháu phấn đấu, nỗ lực trong học tập. Ngoài ra, một phần quỹ được trích ra để mua sách vở và ủng hộ học phí cho con cháu họ Vi có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Mới đây, một chi nhỏ của dòng họ Vi thôn Làng Đẳng lập được quỹ khuyến học riêng với số tiền hơn 5 triệu đồng. Quỹ xuất phát từ một thành viên ra ngoài làm ăn quay trở lại quê hương vận động, quyên góp khoản tiền nhỏ mong muốn con cháu dòng họ mình học hành thành đạt, đưa dòng họ ngày càng phát triển hơn. Quỹ khuyến học của dòng họ ở người Tày không lớn như người Kinh, nhưng đã khích lệ được tinh thần cho con cháu. Kết quả là từ khi xây dựng được quỹ khuyến học, con cháu biết ganh đua nhau học tập, nhiều cháu đạt được thành tích cao hơn. Điều này càng tiếp thêm tinh thần cho dòng họ để xây dựng quỹ ngày càng phát triển.

### 3. KẾT LUẬN

Mối quan hệ và sự giao lưu văn hoá giữa người Tày và người Kinh ở Quang Lang đã được thiết lập từ sớm, ngày càng được mở rộng và thêm gần gũi. Hiện tượng “Kinh già hoá Thổ” hay “Tày cổ hoá Việt” đã diễn ra tự nhiên gắn với quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Đặc biệt, từ sau công cuộc Đổi mới và hội nhập, mối quan hệ Tày - Kinh càng được tăng cường thông qua việc cư trú xen kẽ, trao đổi, buôn bán, giao lưu văn hoá, quan hệ hôn nhân,... Trong suốt quá trình đó, mối quan hệ dòng họ người Tày đã chịu sự ảnh hưởng không nhỏ từ văn hoá người Kinh và đang biến đổi theo xu hướng Kinh hoá một cách rõ nét. Do vậy, ngoài nét văn hoá đặc trưng của người Tày cổ, ở người Tày tại xã Quang Lang còn hoà nhập, giao lưu văn hoá từ những người di cư đến. Tổ chức dòng họ đã có sự tiếp biến không nhỏ từ những thực hành tín ngưỡng của người Kinh như việc xây dựng nhà thờ họ, xây mộ và nghĩa trang đang được các dòng họ ganh đua tiến hành. Tương tự như người Kinh, người Tày ở xã Quang Lang cũng tổ chức tảo mộ vào dịp trước Tết Nguyên Đán và không có tục lệ ăn Tết Thanh minh vào tháng Ba âm lịch hàng năm như người Tày ở địa phương khác. Từ phong tục làm giỗ tại từng gia đình, đến nay, hình thức góp giỗ đã trở thành thông lệ, quan niệm về hôn nhân, sự tương trợ, giúp đỡ trong các nghi lễ vòng đời đã có sự tiếp biến và đổi khác. Cùng với đó, các dòng họ đã quan tâm đến hoạt động xã hội điển hình là lập quỹ khuyến học, nhằm hỗ trợ con em trong học tập,... Nhờ đó sự sẻ chia, tương trợ và có kết giữa các thành viên trong họ cũng được củng cố. Đồng thời, tạo nên sự tiếp biến văn hoá, đã góp phần bài trừ một số hủ tục, chuyển đổi các nghi lễ thờ cúng rườm rà theo xu hướng gọn nhẹ hơn. Bên cạnh đó, vấn đề Kinh hoá trong dòng họ người Tày cũng đặt ra một số vấn đề như: làm phai nhạt, mai một văn hoá dòng họ truyền thống. Qua nghiên cứu cho thấy, mối quan hệ dòng họ người Tày đang vận động theo hướng vừa duy trì, bảo tồn, phát

huy văn hoá, phong tục tập quán truyền thống, vừa tiếp nhận những giá trị văn hoá mới từ người Kinh. Trong đó, xu hướng mai một một số yếu tố văn hoá truyền thống dòng họ là điều khó tránh khỏi. Sự biến đổi này phần nào cho thấy sự thích ứng linh hoạt của người Tày với văn hoá người Kinh trong quá trình hội nhập sâu rộng của đất nước. Mặt khác, việc tiếp xúc thường xuyên với văn hoá người Kinh trong đời sống thường nhật cũng góp phần giúp người Tày và người Kinh thêm gắn bó, sống hoà hợp với nhau, tạo điều kiện cho sự xích lại gần nhau của hai nền văn hoá. Trong xu hướng Kinh hoá, sự tự điều chỉnh, thích ứng của mỗi thành viên, dòng họ người Tày cho phù hợp với lối sống, phong tục, tập quán đóng vai trò quan trọng. Qua đó, ý thức tộc người sẽ được duy trì, những đặc trưng văn hoá, phong tục tập quán truyền thống dòng họ luôn được trao truyền, gìn giữ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thanh Bình (2016), “Dân tộc Tày” trong *Các dân tộc ở Việt Nam (Tập 2: Nhóm ngôn ngữ Tày – Thái Kadai)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Bé Việt Đăng (1996), *Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Bé Văn Hậu (2012), *Nghiên cứu một số nét biến đổi văn hóa người Tày tại Lạng Sơn trong quá trình Đổi mới kinh tế - xã hội*, Luận án tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
4. Vũ Phương Nga (2018), *Tiếp biến văn hóa trong bối cảnh gia đình hỗn hợp dân tộc (Qua nghiên cứu về người Tày tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn)*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
5. Lê Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Hà Đình Thành (Chủ biên)(2010), *Văn hóa dân gian Tày - Nùng ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hóa Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

### KINH-IZATION FACTORS IN THE LINEAGE RELATIONSHIP OF TAY ETHNIC IN QUANG LANG COMMUNE, CHI LANG DISTRICT, LANG SON PROVINCE

**Abstract:** *Tay - Viet relationship was established early in history and became closer and closer through mixed residence, goods and cultural exchange, trade, marriage relationship which have influenced and changed the lineage relations of the Tay people in Quang Lang commune following the trend of Kinh-ization. Clan organization, religious practice, cultural activities, assistance in life cycle rituals here have been impacted with acculturation of the Kinh culture. The Tay's lineages are moving towards both maintaining and preserving traditional culture and customs and receiving new cultural values of other ethnic groups. However, this process also poses a number of problems such as fading and eroding traditional lineages, arising conflicts and contradictions in the kinship relationship and among the lineages.*

**Key words:** *Lineages relationship, ethnic relation, Tay ethnic people.*